BỘ CÔNG AN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /BCGSĐGĐT	*... .... ngày ..... tháng ..... năm ... .*

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(Quý/6 tháng/năm)

Tên dự án:

Kính gửi: ……..

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

4. Mục tiêu của dự án:

5. Qui mô, công suất:

6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:

7. Địa điểm dự án:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Hình thức quản lý dự án:

10. Các mốc thời gian về dự án:

- Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư:

- Thời gian thực hiện dự án:

+ Thời gian bắt đầu:

+ Thời gian kết thúc:

11. Tổng mức đầu tư:

12. Nguồn vốn đầu tư:

(Thông tin về dự án chỉ báo cáo 01 lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi quyết định đầu tư dự án hoặc sau khi điều chỉnh dự án có các nội dung điều chỉnh liên quan đến những thông tin về dự án nêu trên)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác GPMB và tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng ...)*.

1.2. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán)*.

1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:

1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*

2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*

2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án)*.

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: *(Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án)*.

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(Kèm theo các phụ biểu 01, 02, 03)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 01: Tình hình thực hiện dự án

TÊN DỰ ÁN: ……..

Chủ đầu tư: …….

Địa điểm thực hiện: ……

Tổng mức đầu tư: ……

Tổng dự toán: ……..

Kế hoạch vốn trong năm của dự án: ……

Lũy kế kế hoạch vốn cho dự án: …….

Vốn giải ngân trong kỳ báo cáo ……

Lũy kế giải ngân …….

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên hạng mục/Gói thầu	Giá trị	Nguồn vốn	Khởi công	Tiến độ thực hiện (*)	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế giá trị thực hiện	Lũy kế giải ngân	Thất thoát, lãng phí được phát hiện	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú *(khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện)*
						Giá trị thực hiện	Giải ngân					
I	**Gói thầu dịch vụ tư vấn và phi tư vấn**											
1	*Gói thầu tư vấn số 1....*											
2	*Gói thầu tư vấn số 2....*											
…	… … … … …											
II	**Gói thầu xây lắp**											
1	*Gói thầu xây lắp số 1...*											
2	*Gói thầu xây lắp số 2....*											
…	… … … … …											
III	**Gói thầu cung cấp lắp đặt thiết bị**											
1	*Gói thầu số 1....*											
2	*Gói thầu số 2....*											

IV	**Các hạng mục, chi phí**											
1	*Đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có)*											
2	*Quản lý dự án*											
3	*Lệ phí thẩm định*											
…	… … … … …											
..	*Lệ phí thẩm tra phê duyệt quyết toán*											
…	… … … … …											

Ghi chú:

Tiến độ thực hiện (*): Nêu rõ khối lượng thực hiện đạt được tại thời điểm báo cáo

Phụ biểu 02: Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư của chủ đầu tư (kèm theo báo cáo giám sát 6 tháng/ năm)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	**Nội dung**	**Kế hoạch vốn năm**	**Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB**	**Nợ đọng XDCB còn lại**	**Tình hình thực hiện**		**Tình hình giải ngân**		**Thất thoát, lãng phí được phát hiện**
					Giá trị	**so với KH (%)**	**Giá trị**	**so với KH (%)**	
I	**Dự án sử dụng vốn nhà nước**								

1	***Vốn đầu tư công***								
1.1	Vốn NSNN								
a	Vốn NSTW								
b	Vốn NSĐP								
1.2	Vốn ODA								
1.3	Vốn TPCP								
1.4	Vốn đầu tư công khác								
2	***Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công***								
3	***Vốn khác***								
3.1	Trong nước								
3.2	Nước ngoài								
II	**Dự án đầu tư theo hình thức PPP**								
1	***Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu tư)***								
2	***Vốn chủ sở hữu***								
2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
2.2	Vốn khác (trong nước)								
2.3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	***Vốn vay***								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	**Dự án sử dụng nguồn vốn khác**								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
IV	**Tổng cộng**								

1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)								
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + III.3.2)								
3	Vốn khác								
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)								
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)								

Phụ biểu 03: Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án do mình quản lý (kèm theo báo cáo giám sát 6 tháng/ năm)

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công								Dự án sử dụng vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW				TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	
		Tổng số	A	B	C	Tổng Số	A	B	C					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	**Chuẩn bị đầu tư**													
1	Chủ trương đầu tư													
a	*Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ*													
b	*Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ*													

c	*Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ*													
2	Quyết định đầu tư													
a	*Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ*													
b	*Số dự án được thẩm định trong kỳ*													
c	*Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ*													
II	**Thực hiện đầu tư**													
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ													
a	*Số dự án chuyển tiếp*													
b	*Số dự án khởi công mới trong kỳ*													
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ													
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ *(do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)*													
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ													
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ													
a	*Không phù hợp với quy hoạch*													
b	*Phê duyệt không đúng thẩm quyền*													
c	*Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án*													

6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ *(theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)*													
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ *(sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)*													
a	*Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện*													
b	*Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định*													
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ													
a	*Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư*													
b	*Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng*													
c	*Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu*													
d	*Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời*													
đ	*Số dự án chậm do các nguyên nhân khác*													
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ													
a	*Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư*													

b	*Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư*													
c	*Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư*													
d	*Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác*													
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau													
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ													
a	*Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ*													
-	Chỉ định thầu													
-	Đấu thầu hạn chế													
-	Đấu thầu rộng rãi													
-	Hình thức khác													
b	*Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ*													
-	Đấu thầu không đúng quy định													
-	Ký hợp đồng không đúng quy định													
III	**Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng**													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ													
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán													
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ													
4	Tình hình khai thác vận hành													

a	*Số dự án đã đưa vào vận hành*													
b	*Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)*													
c	*Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ*													